ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.11.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 4.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62629850200000001	NGUYEN NHU QUYNH	女	2005-09-12	024305005875	LE 4.15	
2	H62629850200000002	TA THU LUONG	女	2005-07-25	024305011579	LE 4.15	
3	H62629850200000003	NGUYEN HONG DUYEN	女	2005-01-31	037305003964	LE 4.15	
4	H62629850200000004	DOAN LINH CHI	女	2009-03-05	038309003583	LE 4.15	
5	H62629850200000005	NGUYEN THI HIEN	女	2000-06-14	024300005254	LE 4.15	
6	H62629850200000006	MUI THI LIEN	女	1998-06-03	022198007092	LE 4.15	
7	H62629850200000007	NGUYEN THI HOA	女	2004-03-26	019304000237	LE 4.15	
8	H62629850200000008	TRAN THI HONG	女	1991-11-26	036191022848	LE 4.15	
9	H62629850200000009	TRAN THAO NGUYEN	女	2009-07-05	034309014264	LE 4.15	
10	H62629850200000010	VU HOANG YEN	女	2009-09-13	034309012966	LE 4.15	
11	H62629850200000011	NGUYEN VU VAN ANH	女	2009-06-09	034309006046	LE 4.15	
12	H62629850200000012	TRINH LAN ANH	女	2007-03-07	034307001929	LE 4.15	
13	H62629850200000013	NGUYEN NGOC LINH	女	2006-05-17	034306006059	LE 4.15	
14	H62629850200000014	CHU NGUYEN MAI LINH	女	2010-07-28	034310010014	LE 4.15	
15	H62629850200000015	LE THI THANH AN	女	1999-04-11	034199015150	LE 4.15	
16	H62629850200000016	TRAN TUYET NHI	女	2006-05-27	034306003108	LE 4.15	
17	H62629850200000017	LUONG KHANH LINH	女	2009-12-09	034309003331	LE 4.15	
18	H62629850200000018	DINH DIEP NHU	女	2008-06-04	024308012119	LE 4.15	
19	H62629850200000019	DANG THI MY HANH	女	1996-12-18	030196010333	LE 4.15	
20	H62629850200000020	LE MAI TRANG	女	2009-04-28	017309003181	LE 4.15	
21	H62629850200000021	BACH THI BICH NGOC	女	2009-08-17	026309003599	LE 4.15	
22	H62629850200000022	LE THI KHANH HUYEN	女	2003-02-21	034303005250	LE 4.15	
23	H62629850200000023	NGUYEN TRA MY	女	2009-08-23	024309002021	LE 4.15	
24	H62629850200000024	NGUYEN LANG ANH DUONG	女	2003-12-05	020303003639	LE 4.15	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC – ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.11.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 5.19

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62629850200000025	NGUYEN THI HONG HANH	女	2006-03-21	024306003517	LE 5.19	
2	H62629850200000026	LE THI LY	女	2005-11-27	038305027542	LE 5.19	
3	H62629850200000027	NGUYEN THI LE	女	2004-08-19	020304007111	LE 5.19	
4	H62629850200000028	DINH THI MINH TAM	女	2003-10-17	026303005616	LE 5.19	
5	H62629850200000029	DUONG THI QUYNH LAN	女	1996-05-01	038196004328	LE 5.19	
6	H62629850200000030	HOANG THI LAN ANH	女	2002-08-29	026302002651	LE 5.19	
7	H62629850200000031	HOANG NGOC ANH	女	2002-12-13	026302002971	LE 5.19	
8	H62629850200000032	NGUYEN THI UYEN	女	2002-09-08	027302002601	LE 5.19	
9	H62629850200000033	HOANG THI HUYEN	女	2005-12-22	008305005379	LE 5.19	
10	H62629850200000034	HUA XUAN BANG	男	1997-02-28	020097002891	LE 5.19	
11	H62629850200000035	DUONG DIEM QUYNH	女	2002-04-16	038302017637	LE 5.19	
12	H62629850200000036	NGUYEN MAI LINH	女	2004-04-14	033304003995	LE 5.19	
13	H62629850200000037	NINH VINH THAI	男	2009-06-05	015209008629	LE 5.19	
14	H62629850200000038	NGUYEN HOAI NGAN	女	2009-03-14	024309003579	LE 5.19	
15	H62629850200000039	PHAM HUONG GIANG	女	2009-03-13	034309002297	LE 5.19	
16	H62629850200000040	NGUYEN PHUONG DUNG	女	2005-10-02	022305007333	LE 5.19	
17	H62629850200000041	NGUYEN THI THU TRANG	女	2000-08-15	035300001740	LE 5.19	
18	H62629850200000042	TRINH THI THU PHUONG	女	2001-06-23	024301011199	LE 5.19	
19	H62629850200000043	HOANG THI NGOC DUYEN	女	2003-03-02	027303004516	LE 5.19	
20	H62629850200000044	DANG THI THAO VY	女	2009-03-27	034309016648	LE 5.19	
21	H62629850200000045	NGUYEN THI HONG THANH	女	2003-05-22	026303002718	LE 5.19	
22	H62629850200000046	TRAN THI KIM PHUONG	女	2001-05-25	038301023329	LE 5.19	
23	H62629850200000047	HUA THU TRA	女	2001-11-16	004301002923	LE 5.19	
24	H62629850200000048	LUONG THI THUY QUYNH	女	2002-10-13	031302005308	LE 5.19	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.11.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 5.20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62629850200000049	NGO THI NGOC HOA	女	2004-01-28	019304011002	LE 5.20	
2	H62629850200000050	DANG THANH DAT	男	2009-06-16	019209003962	LE 5.20	
3	H62629850200000051	BUI THI HA	女	2004-12-12	026304010036	LE 5.20	
4	H62629850200000052	NGUYEN NGOC HUYEN	女	2009-11-20	001309053406	LE 5.20	
5	H62629850200000053	NGUYEN THI ANH HONG	女	2002-01-28	001302034685	LE 5.20	
6	H62629850200000054	HOANG THI THU HOA	女	1991-09-01	036191007469	LE 5.20	
7	H62629850200000055	PHAM THI THANH	女	2004-10-05	024304003218	LE 5.20	
8	H62629850200000056	DO THI XUAN MAI	女	2005-04-04	038305003807	LE 5.20	
9	H62629850200000057	NGUYEN THI LY	女	2002-04-11	034302007391	LE 5.20	
10	H62629850200000058	LUONG ANH TUYET	女	2007-09-26	020307006456	LE 5.20	
11	H62629850200000059	TA THI THAM QUYEN	女	2003-10-04	027303003638	LE 5.20	
12	H62629850200000060	DANG TRIEU PHUONG ANH	女	2004-11-28	019304002298	LE 5.20	
13	H62629850200000061	NGUYEN VAN HAI	男	2005-04-30	027205010589	LE 5.20	
14	H62629850200000062	NGUYEN THI HIEN	女	2005-10-03	027305003397	LE 5.20	
15	H62629850200000063	NGUYEN NGOC TUAN	男	1996-12-31	034096015199	LE 5.20	
16	H62629850200000064	DIEP THI NHAN	女	2003-06-29	019303001529	LE 5.20	
17	H62629850200000065	LY NGOC AN	女	2008-02-01	019308007262	LE 5.20	
18	H62629850200000066	NGUYEN PHUONG TRA	女	2005-09-01	026305003303	LE 5.20	
19	H62629850200000067	LO THI HAI YEN	女	2005-10-03	010305006999	LE 5.20	
20	H62629850200000068	VU THI LIEN	女	2003-11-21	022303006844	LE 5.20	
21	H62629850200000069	PHAM THI MAI HOA	女	2003-12-30	022303006741	LE 5.20	
22	H62629850200000070	NGUYEN THI NGUYET ANH	女	2000-11-04	026300004611	LE 5.20	
23	H62629850200000071	NGUYEN THI THANH VAN	女	1998-11-14	022198004533	LE 5.20	
24	H62629850200000072	NGUYEN THI BICH HA	女	2003-04-13	008303001657	LE 5.20	